

**ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG VÀ NHU CẦU NÂNG CAO NĂNG LỰC
CỦA HỘ KINH DOANH GỖ TRONG VIỆC TUÂN THỦ HỆ THỐNG ĐẢM
BẢO GỖ HỢP PHÁP VIỆT NAM (VNTLAS) TỈNH ĐỒNG NAI**



TS. Phan Triều Giang
Trung Tâm Con Người và Môi Trường vùng Tây Nguyên (COPE)

Tháng 6 năm 2019

Mục lục

Danh mục các cụm từ viết tắt.....	iii
1. Tổng quan	1
2. Tiến trình và phương pháp	1
3. Kết quả khảo sát.....	2
3.1 Thông tin tổng quan	2
3.2 Tuân thủ của các Hộ KD đối với yêu cầu pháp luật.....	4
I). Chỉ số chung.....	5
ii). Nhóm hộ KD sơ chế, gia công và sản xuất hàng mộc	5
iii) Nhóm hộ KD mua bán gỗ và sản phẩm gỗ	6
iv). Nhóm các hộ KD có xuất khẩu:	7
3.3 Tiếp cận và hiểu biết của hộ KD về VPA/FLEGT	7
4. Kết luận	7

Danh mục các cụm từ viết tắt

C/O	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa
CED	Trung tâm Giáo dục và Phát triển
COPE	Trung tâm Con người và Môi trường vùng Tây Nguyên
CRD	Trung tâm Phát triển nông thôn miền Trung
DN	Doanh nghiệp
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
EU	Liên minh Châu Âu
FAO	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc
FSC	Hội đồng quản lý rừng
Hộ KD	Hộ Kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
LD	Đình nghĩa gỗ hợp pháp
OCS	Hệ thống phân loại doanh nghiệp
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
VNTLAS	Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp của Việt Nam
VPA/FLEGT	Hiệp định đối tác tự nguyện về Thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản

1. Tổng quan

Sau 7 năm đàm phán, vào tháng 10/2018, Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) đã ký hiệp định Đối tác Tự nguyện (VPA) về Thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản (FLEGT). Theo VPA, Việt Nam sẽ xây dựng hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp (VNTLAS) để xác minh gỗ xuất khẩu là gỗ hợp pháp, và EU chỉ chấp nhận gỗ hợp pháp được cấp phép FLEGT nhập khẩu vào EU khi VPA được ký kết và hệ thống cấp phép đi vào vận hành.

Khi VPA có hiệu lực thực thi tất cả các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh tham gia vào chuỗi cung ứng gỗ trong nước và quốc tế đều phải tuân thủ các yêu cầu về gỗ hợp pháp và tham gia vào hệ thống phân loại doanh nghiệp (OCS). Theo đó, các tổ chức phải i) Tuân thủ các bằng chứng động về kiểm soát chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo rằng chỉ có gỗ hợp pháp đi vào chuỗi cung ứng; ii) Đáp ứng các yêu cầu về kê khai và báo cáo kiểm soát chuỗi cung ứng; iii) Tuân thủ các bằng chứng tĩnh; iv) Tình trạng vi phạm.

Để hỗ trợ cho việc thực thi Hiệp định, Trung tâm Phát triển Nông thôn miền Trung Việt Nam (CRD), Trung tâm Giáo dục và Phát triển (CED) và Trung tâm Con người và Môi trường vùng Tây Nguyên (COPE) cùng phối hợp thực hiện Dự án “Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ tuân thủ những yêu cầu về gỗ hợp pháp để tham gia hiệu quả vào chuỗi cung ứng gỗ hợp pháp trong nước và quốc tế” do Chương trình EU-FAO FLEGT tài trợ thông qua Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO). Một trong những hoạt động chính của dự án là đánh giá khả năng đáp ứng và nhu cầu nâng cao năng lực của các bên liên quan cấp tỉnh và các công ty/doanh nghiệp, hộ Kinh doanh, chế biến gỗ nhằm tuân thủ định nghĩa gỗ hợp pháp (LD), hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp (VNTLAS) cũng như hệ thống phân loại doanh nghiệp (OCS) trong thời gian tới.

Để thực hiện nội dung trên Dự án đã tiến hành khảo sát ở tỉnh Đồng Nai¹ với hai mục tiêu cụ thể là i). Tìm hiểu nhu cầu nâng cao năng lực kỹ thuật của các bên liên quan cấp tỉnh như các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức xã hội địa phương trong yêu cầu hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ trong tiến trình VPA/FLEGT; và ii). Đánh giá năng lực các DN/hộ KD trong việc tuân thủ những yêu cầu về LD, VNTLAS.

Trong các đợt đánh giá ở Đồng Nai, hộ gia đình kinh doanh, sản xuất gỗ nổi lên như một nhóm phổ biến. Quan sát ban đầu cho thấy nhóm này mang những nét đặc trưng như một làng nghề gỗ, mặc dù sử dụng một lượng gỗ các loại đáng kể nhưng lại ít phải chịu áp lực thực thi các quy định pháp luật. Việc tìm hiểu sâu hơn nhóm hộ này là rất hữu ích và có thể chỉ ra được những lỗ hổng chính sách hiện nay. Báo cáo này trình bày tóm lược các kết quả của khảo sát trên nhóm hộ này ở Đồng Nai.

2. Tiến trình và phương pháp

Các Hộ sản xuất kinh doanh gỗ trong báo cáo này được tách lọc từ kết quả khảo sát tổng thể ở tỉnh Đồng Nai trên 2 nhóm đối tượng chính gồm (i) Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động trong chuỗi cung gỗ chú trọng vào nhóm có quy mô nhỏ/siêu nhỏ và: (ii) Các tổ chức liên quan cấp tỉnh như các cơ quan quản lý nhà nước, các hiệp hội doanh nghiệp, và các tổ chức xã hội địa phương từ tháng 6/2018 đến 12/2018.

Kết quả khảo sát thu được dựa trên một bộ công cụ khảo sát bao gồm tài liệu hướng dẫn và một bảng hỏi thu thập thông tin đã được xây dựng, kiểm chứng thực địa, và tập huấn cho các điều tra viên. Bảng hỏi có 3 phần chính bao gồm: 1). Thông tin chung về DN/hộ KD; 2). Khả năng đáp ứng của DN/hộ đối với LD/VNTLAS/OCS; 3). Hiểu biết và nhu cầu hỗ trợ liên quan VPA/FLEGT.

¹ Một trong những tỉnh đi đầu trong ngành công nghiệp gỗ, nằm sát Tp. Hồ Chí Minh, phía Nam Việt Nam.

3. Kết quả khảo sát

3.1 Thông tin tổng quan

Ở Đồng Nai, trong tổng số 942 cơ sở và DN có đăng ký hoạt động trong lĩnh vực chế biến gỗ có đến 439 hộ kinh doanh sản xuất ngành gỗ (hộ KD). Các hộ này tập trung chủ yếu ở Huyện Trảng Bom và thành phố Biên Hòa².

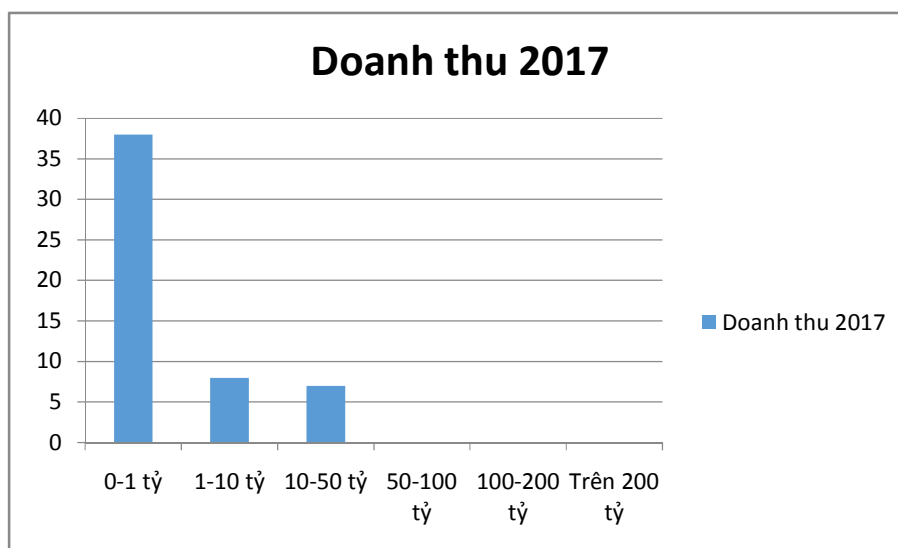
Có 67 Hộ kinh doanh ngành gỗ được khảo sát với các kết quả được tóm tắt dưới đây:

- Đa số các hộ KD ngành gỗ đều có số lao động dưới 10 người, trong đó đa số hộ đều có lao động toàn thời gian và bán thời gian. Điều này đúng với thực tế khảo sát là các Hộ kinh doanh thường duy trì quy mô (chính thức) nhỏ với thành phần toàn thời gian chỉ thường gồm giám đốc, trợ lý và kế toán. Đối với các hộ có quy mô lớn, lực lượng lao động thường được thuê ở dạng thời vụ để giảm các chi phí và trách nhiệm (như bảo hiểm, v.v.). Bảng 1 dưới đây cung cấp số liệu về sự cân bằng hay tầm quan trọng của lao động thời vụ đối với hộ KD.

Bảng 1. Phân bố lao động của các hộ KD

Hộ kinh doanh	Dưới 10 người	Từ 10 người trở lên	Không trả lời
Hộ có sử dụng lao động thời vụ	45	2	20
Hộ có số lượng lao động toàn thời gian	61	2	4

- Theo phân loại ban đầu, doanh thu của đa số các hộ KD ở mức 1-3 tỷ đồng (90%), có 9% hộ KD có mức thu từ 3-50 tỷ đồng và chỉ có 1% doanh thu cao hơn 50 tỷ đồng. Phân tích thực tế doanh thu của 53 hộ năm 2017 cho thấy tất cả các hộ đều có doanh thu dưới 50 tỷ đồng trong đó có 38 Hộ có doanh thu dưới 1 tỷ đồng (Hình dưới đây).

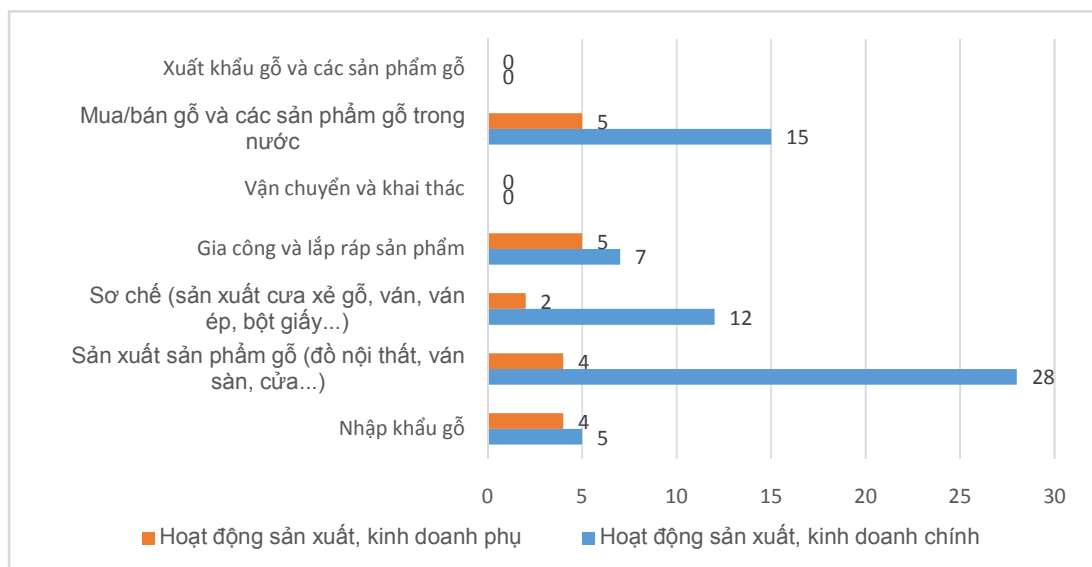


Hình 1. Phân bố doanh thu của các hộ KD ngành gỗ

- Nhiều Hộ kinh doanh thực hiện hai hay nhiều loại hình sản xuất kinh doanh cùng lúc. Hai ngành nghề chính của các hộ KD ở Đồng Nai là sản xuất, gia công gỗ và sản phẩm gỗ (28 hộ) và mua bán gỗ và các sản phẩm gỗ trong nước (15 hộ). Không có hộ nào chuyên khai thác vận chuyển. Mặc dù không có hộ nào cho biết ngành nghề chính là xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, phân tích cụ thể dưới đây cho thấy có

²Chú ý rằng khảo sát thực tế cho thấy nhiều DN, hộ gia đình không hoạt động.

10 hộ có sản phẩm xuất khẩu. Sự khác biệt này có lẽ là do các hộ này có thực hiện gia công sản phẩm cho các doanh nghiệp có xuất khẩu hoặc việc xuất khẩu không được xếp là hoạt động đáng kể của hộ. Các hoạt động sản xuất chính và phụ theo cách tự phân loại của hộ được trình bày ở Hình 2 dưới đây.



Hình 2. Hoạt động kinh doanh chính/phụ của các hộ KD ngành gỗ

- Có 35 hộ KD trả lời về nguồn gốc gỗ sử dụng với nguồn gỗ đa dạng từ khắp các châu lục trong đó một số hộ KD sử dụng gỗ từ nhiều nguồn khác nhau. Nguồn gỗ từ các quốc gia rủi ro cao đang được sử dụng phổ biến đặc biệt là từ Nam Phi và Ghana. Chỉ có 4 hộ sử dụng gỗ nhập từ các quốc gia an toàn như Úc, Mỹ, New Zealand. Cụ thể số lượng hộ KD có sử dụng gỗ từ các nguồn khác nhau được trình bày ở Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2. Nguồn gốc gỗ được các hộ KD sử dụng

Quốc gia	Số hộ KD có sử dụng
Ghana	15
Nigeria	1
Cong go	1
Nam Phi	15
Indonesia	3
Campuchia	3
Lào	3
Malaysia	2
Columbia	1
Brazil	1
Nga	1
New Zealand	1
Úc	2
Mỹ	1

- Về chứng chỉ của gỗ hầu hết các Hộ KD sử dụng gỗ nhập khẩu không biết và không quan tâm. Họ cho rằng người nhập khẩu đương nhiên có đầy đủ các loại giấy tờ theo quy định như vậy mới được thông quan. Các hộ gần như không biết nhiều về chứng chỉ gỗ. Trong khoảng 20 hộ trả lời về nội dung này chỉ có 1 hộ có sử dụng gỗ có chứng chỉ FSC.



Hình 3. Gỗ đỏ (*Afzelia pachyloba*) nhập khẩu từ Châu Phi

Khối lượng và giá trị gỗ sử dụng là thông tin khá nhạy cảm. Trong 40% hộ có trả lời, Hầu hết giá trị gỗ mua vào năm 2017 đều dưới 1 tỉ đồng (27/28 hộ). Tất cả các hộ trả lời (33 hộ), có đến 29 hộ sử dụng chưa tới 100m³, 4 còn lại sử dụng trong khoảng 100m³ đến 500m³.

Sản phẩm của hầu hết các hộ KD đều phục vụ thị trường trong nước (58 hộ). Tuy vậy có một số ít hộ KD có làm hàng xuất đi các thị trường khác chủ yếu là Trung Quốc (9). Ngoài ra có 1 hộ (đăng ký là hợp tác xã) có sản phẩm xuất đi EU qua trung gian ủy thác.

3.2 Tuân thủ của các Hộ KD đối với yêu cầu pháp luật

Hộ KD hiểu rằng họ chưa đáp ứng đầy đủ các quy định pháp luật đặc biệt trong sản xuất, chế biến gỗ. Một số cho biết đó là lý do họ duy trì hoạt động ở dạng hộ KD thay vì doanh nghiệp nơi các quy định được thực thi một cách chặt chẽ hơn. Các quy định trong kiểm soát chuỗi cung cũng chưa phù hợp với các phương thức kinh doanh, sản xuất nhỏ, lẻ, mang tính gia đình của nhóm hộ kinh doanh chế biến gỗ.

Như đề cập, có tổng cộng 67 Hộ KD được khảo sát, trong đó có nhiều hộ KD thực hiện hai hay nhiều loại hình sản xuất kinh doanh cùng lúc. Phân theo ngành nghề sản xuất có các nhóm lớn như sau: Nhóm sản xuất sản phẩm gỗ, nội thất (33 hộ), nhóm sơ chế (13 hộ), nhóm gia công sản phẩm (8 hộ), nhóm mua bán gỗ và sản phẩm gỗ (25 hộ). Mặc dù không tự phân loại là ngành nghề chính và phụ vẫn có 10 hộ có sản

phẩm xuất đi nước ngoài đa phần là Trung Quốc (9/10). Bên cạnh đó có 9 hộ được phân loại là nhập khẩu gỗ nhưng thông tin chi tiết cho thấy đây là các hộ mua bán gỗ nhập khẩu nên được gộp vào nhóm hộ mua bán (gộp thành 25 hộ như ở trên).

Như vậy, dựa trên loại ngành nghề hộ được khảo sát và các quy định đối với ngành gỗ, các kết quả phân tích chính được trình bày theo các nhóm dưới đây i). Chỉ số chung mà tất cả các DN/hộ KD cần đáp ứng ii) Chỉ số quan trọng đối với nhóm sơ chế, nhóm gia công sản phẩm, và nhóm sản xuất sản phẩm gỗ (50 hộ); iii) Chỉ số quan trọng đối với nhóm mua bán gỗ và sản phẩm gỗ (25 hộ); iv) Chỉ số quan trọng của hộ KD có xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (10 hộ). Trong các nhóm chỉ số, một số các chỉ số sẽ không được phân tích nếu số liệu không rõ ràng hoặc số lượng mẫu quá nhỏ.

I). Chỉ số chung

Một số chỉ số chung của các hộ như giấy đăng ký kinh doanh, thuế, bảo hiểm, v.v. Kết quả phân tích được tóm tắt dưới đây:

- Về cơ bản các nghĩa vụ đối với nhà nước được các hộ KD tuân thủ khá đầy đủ theo đó, chỉ có 1/67 hộ không có giấy đăng ký kinh doanh. Hộ cho rằng họ chỉ sản xuất nhỏ, truyền thống nên không làm giấy.
- Có 4/67 hộ không có giấy tờ về thuế, trong đó có 3 hộ cho rằng họ được miễn thuế (vì sản xuất, kinh doanh quy mô quá nhỏ). Hộ còn lại có nộp thuế cho nhân viên thu thuế nhưng không lấy giấy tờ.
- Có 10/66 hộ có làm hợp đồng lao động cho nhân viên (15%) và chỉ có 5/67 hộ có đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động. Trong khi đó một tỷ lệ thấp hơn là chỉ có 2/66 hộ có đóng bảo hiểm thất nghiệp cho nhân viên. Các hộ giải thích lý do không thực hiện các yêu cầu này là do không cần thiết vì họ trả tiền công cho người lao động mỗi ngày hay mỗi tuần, người lao động là anh chị em, bà con thân thuộc, hoặc chỉ hợp đồng miệng do quy mô quá nhỏ.
- Có 18/67 hộ KD không lưu trữ thông tin, các giấy tờ quan trọng trong sản xuất kinh doanh bao gồm cả hồ sơ lâm sản. Hình thức lưu trữ là chủ yếu dạng bản cứng.
- Hầu hết các hộ KD không để tâm, để ý đến nguồn gốc rủi ro của gỗ nhập khẩu do họ mua gỗ tận gốc (là các công ty lớn) hoặc mua qua người quen/mối quen.
- Có 6/67 hộ KD đã từng bị phạt vi phạm hành chính với các lỗi như Chế biến lâm sản không rõ nguồn gốc, không có bản kê lâm sản, không theo dõi, ghi chép sổ nhập, xuất gỗ, vi phạm về PCCC.

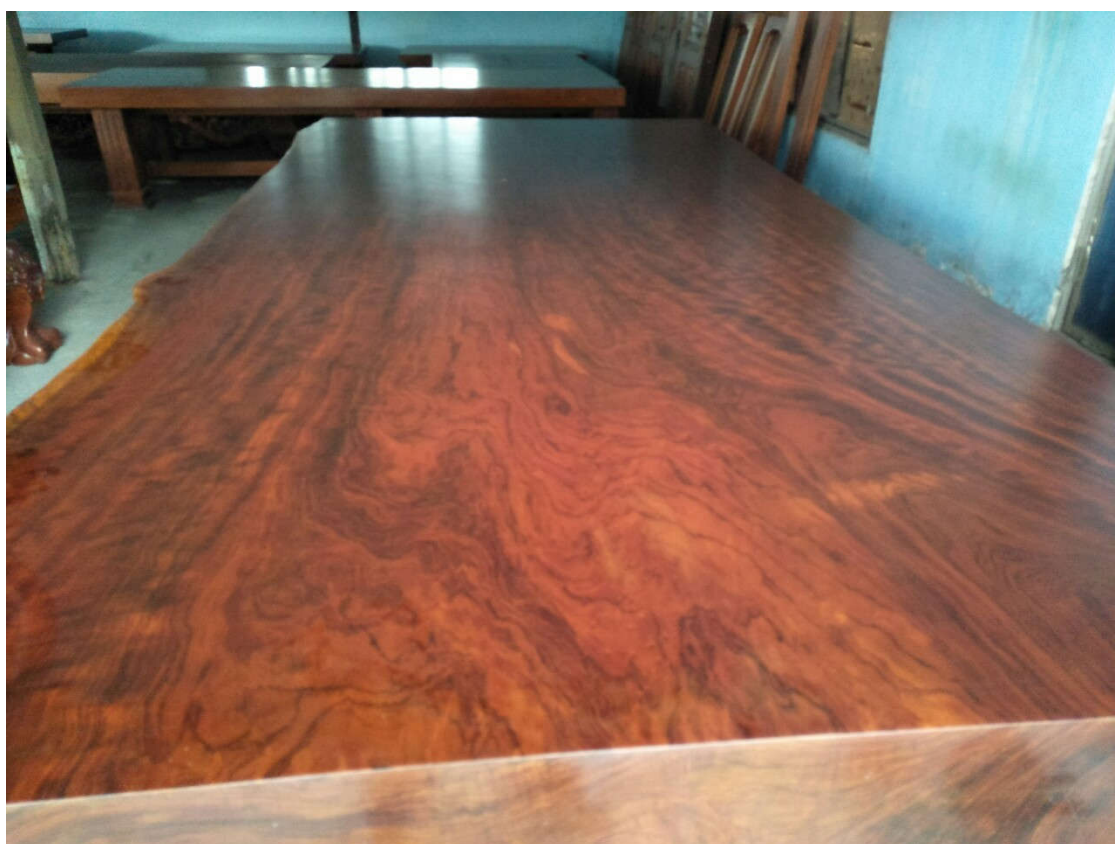
ii). Nhóm hộ KD sơ chế, gia công và sản xuất hàng mộc

Nhóm hộ KD sơ chế, gia công, và sản xuất hàng mộc là nhóm lớn và quan trọng trong chuỗi cung chiếm đến 50/67 hộ. Nhóm này phải đáp ứng một số quy định pháp luật giống nhau bao gồm các quy định chính về nguồn gốc gỗ hợp pháp đưa vào chế biến, các quy định về Bảo vệ môi trường, PCCC, ATVSLĐ, cũng như các quy định về thuế. Kết quả khảo sát được trình bày dưới đây:

- Đa số các hộ này tuân thủ rất tốt về đăng ký hộ kinh doanh (chỉ 1 hộ không đăng ký), và đóng thuế cho nhà nước.
- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc gỗ như Bảng kê lâm sản và lập sổ theo dõi nhập xuất, lâm sản cũng được nhóm hộ này tuân thủ khá cao lần lượt là 80% (40/50 hộ) và gần 90% (7/63 hộ)
- Tuy vậy, việc đáp ứng các quy định khác là thấp. Các hộ sản xuất chế biến gỗ đáp ứng thấp với các giấy tờ về hồ sơ gỗ hợp pháp khác như Hợp đồng mua bán tài sản, và Hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính với ít hơn 50% số hộ tuân thủ.

- Bên cạnh đó, tỉ lệ đáp ứng các quyền lợi của người lao động là thấp, trong đó chỉ có 4/65 hộ có hợp đồng lao động cho người lao động, và chỉ 2/67 hộ có đóng các loại bảo hiểm y tế, xã hội, thất nghiệp cho người lao động.
- Việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường (Có kế hoạch bảo vệ môi trường), quy định về phòng cháy chữa cháy (Thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy), về an toàn vệ sinh lao động (Kế hoạch và nội quy vệ sinh an toàn lao động) cũng không cao (10-20% đáp ứng).

Các hộ cho rằng họ không thực hiện nghĩa vụ đối với người lao động do truyền thống hợp đồng miệng, lao động thời vụ hoặc trong gia đình. Hộ hoạt động ở quy mô nhỏ lẻ nên không phải tuân thủ các quy định về môi trường, phòng cháy chữa cháy, VSAT lao động. Một số hộ không biết về các quy định này. Đối với việc không có bảng kê lâm sản, các hộ cho rằng họ làm theo đặt hàng (gia công) của khách và khách chịu trách nhiệm về bảng kê, hoặc họ chỉ dùng gỗ tạp, gỗ tràm, gỗ rừng trồng nên không cần có bảng kê lâm sản. Đối với quy định về hóa đơn BTC và hợp đồng mua bán, tương tự như nghiên cứu ở làng nghề Đồng Kỵ ở Đồng Bằng Sông Hồng, phía Bắc Việt Nam, nhiều hộ cho rằng họ chỉ cung cấp hóa đơn khi khách hàng yêu cầu, đa số khách hàng lại không yêu cầu điều này (vì giá có thể tăng thêm 5-10%).



Hình 4. Một tấm gỗ đồ cắt từ gỗ Châu Phi bán ở Đồng Nai

iii) Nhóm hộ KD mua bán gỗ và sản phẩm gỗ

Đối với nhóm này (25 hộ), các giấy tờ cơ bản theo quy định mà DN/hộ KD được yêu cầu là hóa đơn thương mại/GTGT (nếu gỗ mua từ tổ chức), Bảng kê lâm sản, phiếu xuất kho nội bộ (tùy trường hợp), Biên bản dấu búa kiểm lâm (đối với một số chủng loại và kích thước gỗ). Kết quả khảo sát như sau:

- Đối với hộ mua bán, vận chuyển gỗ/sản phẩm gỗ việc cung cấp hóa đơn theo quy định về Hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính khi bán hàng cũng như lấy hóa đơn khi mua gỗ từ tổ chức là khá cao với khoảng 80-90% số hộ tuân thủ.

- Tuy vậy, tỉ lệ có bảng kê lâm sản và biên bản xác nhận gỗ đóng búa kiểm lâm (đối với gỗ có yêu cầu này) là thấp hơn với chỉ 35-40% đáp ứng.

Tương tự như các nguyên nhân đã đề cập ở trên, đa số các hộ cho rằng họ kinh doanh ở quy mô nhỏ lẻ, nên các quy định không áp dụng đối với họ (và cũng không nên áp dụng, không cần thiết).

iv). Nhóm các hộ KD có xuất khẩu:

Có 10 Hộ KD trong đó có 1 hợp tác xã có sản phẩm trực tiếp hoặc gián tiếp xuất đi nước ngoài trong đó 9 Hộ KD bán trực tiếp đi Trung Quốc. Một Hợp tác xã xuất sản phẩm mỹ nghệ và nội thất đi Châu Âu qua ủy thác xuất khẩu. Mặc dù có đến 8/10 hộ có cung cấp hóa đơn mua bán theo quy định của bộ tài chính, Tất cả các hộ KD này từ chối trả lời về các quy định xuất khẩu như hồ sơ xuất khẩu (Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu của đơn vị xuất khẩu, Hợp đồng mua bán, Bảng kê lâm sản xuất khẩu, Giấy phép của cơ quan CITES, giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật). Có thể các hộ KD này xuất khẩu qua đường tiểu ngạch, qua các trung gian là các doanh nghiệp khác nên thiếu nhiều loại giấy tờ theo quy định (như đã chỉ ra ở nghiên cứu làng nghề Đồng Kỵ).

3.3 Tiếp cận và hiểu biết của hộ KD về VPA/FLEGT

Khảo sát đối với hộ KD về tiếp cận và hiểu biết về VPA/FLEGT cho kết quả khá thấp với kết quả như sau:

- Có 9/67 hộ KD từng tham gia các sự kiện, hoạt động có liên quan đến các quy định về gỗ hợp pháp (FLEGT, VPA, LD, VNTLAS). Trong số đó, đa số là nghe biết hoặc chưa hiểu về nội dung được truyền đạt, nên không biết áp dụng như thế nào. Chỉ có 1 hộ cho biết họ hiểu về VNTLAS và đã triển khai một số yêu cầu liên quan vào hoạt động sản xuất.
- Dựa trên nội dung phỏng vấn về các quy định, có 9/67 Hộ KD cho biết họ có thể thay đổi để đáp ứng được các yêu cầu của VPA/FLEGT nếu được cung cấp thêm thông tin, hỗ trợ. Các hộ còn lại cho biết họ quá nhỏ để có thể thay đổi và thực sự họ không có đủ năng lực để đáp ứng các yêu cầu như một doanh nghiệp. Đa số các hộ không có nhu cầu hỗ trợ (54/67) vì họ thiếu thông tin, không biết rõ họ cần gì, phải đáp ứng yêu cầu gì. Số còn lại mong muốn được hỗ trợ về các tính toán kỹ thuật sản xuất, một số ít hộ khác về các luật, quy định.
- Các thông tin hỗ trợ cho hộ KD cần được thể hiện ngắn gọn, súc tích qua các phương tiện như sách mỏng, tờ rơi và phổ biến quan Chi cục kiểm lâm.

4. Kết luận

Phân tích năng lực các hộ KD ngành gỗ cho thấy nhiều vấn đề cần giải quyết để đảm bảo việc thực thi VPA/FLEGT được hiệu quả. Các hộ kinh doanh được khảo sát có thể cung cấp thông tin cơ bản về hoạt động của 3 nhóm Hộ KD chính là nhóm sơ chế, gia công, và sản xuất hàng mộc, hộ mua bán gỗ và sản phẩm gỗ, và Hộ KD xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ.

Mặc dù thực tế Đồng Nai cho thấy nhiều hộ KD có quy mô khá lớn với doanh số hàng chục tỉ đồng, khảo sát cho thấy, nhìn chung, các hộ kinh doanh vẫn có quy mô sản xuất từ nhỏ đến rất nhỏ với việc chính là làm gia công và cung cấp sản phẩm cho thị trường nội địa là chủ yếu mặc dù có một số hộ xuất hàng đi Trung Quốc.

Một khía cạnh đáng quan ngại là nguồn gốc gỗ sử dụng của các hộ KD ở Đồng Nai phụ thuộc lớn vào các nguồn có rủi ro cao đặc biệt là từ các nước Châu Phi và Đông Nam Á. Hiện nay, các hộ KD hầu như không quan tâm đến nguồn gốc rủi ro của gỗ và cũng không yêu cầu hay kiểm tra các hồ sơ giấy tờ đảm bảo tính hợp pháp của gỗ từ người bán. Một số hộ lấy hóa đơn khi cần thiết nhưng đa số các hộ chỉ trao tiền, nhận gỗ, và chỉ có như vậy. Họ cho rằng tính hợp pháp của gỗ là do người bán chịu trách nhiệm và nhiều người bán là người quen, người thân nên họ hoàn toàn tin tưởng.

Thật vậy, việc đảm bảo gỡ hợp pháp trong chuỗi cung của các hộ KD có thể là điều đáng quan ngại trong bối cảnh hiện nay thể hiện ở việc tuân thủ thấp của hộ KD đối với các quy định kiểm soát tính hợp pháp của gỗ. Việc phân tích các nhóm hộ cho thấy các thông tin cụ thể như sau:

- Các hộ KD tuân thủ khá cao các nghĩa vụ cơ bản đối với một hộ KD bao gồm tư cách pháp nhân như giấy đăng ký kinh doanh, nghĩa vụ thuế.
- Tuy nhiên nghĩa vụ đối với người lao động và các quy định khác là rất thấp. cụ thể các hộ ít ký hợp đồng lao động cho nhân viên và gần như không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và đặc biệt là bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.
- Nhìn chung nhóm sản xuất chế biến gỗ tuân thủ cao hơn đối với các yêu cầu kiểm soát chuỗi cung với tỉ lệ cao nhất là các quy định do lực lượng kiểm lâm giám sát như bảng kê lâm sản, lập sổ theo dõi nhập xuất, lâm sản và tuân thủ thấp đối với các quy định về thủ tục tài chính như hợp đồng mua bán tài sản, Hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính. Nhóm mua bán gỗ và sản phẩm gỗ thì có mức độ tuân thủ ngược lại.
- Việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy còn thấp hơn.
- Nhiều hộ KD không tuân thủ các quy định về lưu trữ thông tin, các giấy tờ quan trọng trong sản xuất kinh doanh bao gồm cả hồ sơ lâm sản.
- Một số hộ KD có sản phẩm xuất khẩu đi Trung Quốc nhưng hầu như cũng không có các giấy tờ gì theo quy định. Điều này cũng là một vấn đề cần quan tâm để đảm bảo hiệu quả thực thi VPA.

Lý do các hộ KD không thực hiện các quy định một cách chặt chẽ được các hộ giải thích là do quy mô sản xuất nhỏ, cấp hộ gia đình (như sử dụng lao động gia đình). Thêm vào đó, việc áp dụng luật đối với hộ KD của chính quyền địa phương hiện nay cũng “nhẹ nhàng” hơn so với thực thi luật đối với doanh nghiệp như về thuế, hợp đồng lao động, quy định về bảo vệ môi trường, v.v. chính vì điều này, nhiều hộ KD mặc dù có khả năng phát triển tốt nhưng vẫn do dự trong việc chuyển đổi loại hình để trở thành doanh nghiệp.

Khảo sát cũng cho thấy hiểu biết, kiến thức về luật định và đặc biệt là các nội dung VPA/FLEGT bao gồm VNTLAS của các Hộ KD là rất thấp. Các hộ KD gần như không biết thông tin gì để có thể đưa ra các nhu cầu để được hỗ trợ. Vì vậy, việc cung cấp thông tin, tài liệu cho hộ KD về VPA/FLEGT và các quy định về sản xuất kinh doanh gỡ hợp pháp càng trở nên cần thiết.

Nhìn chung, hộ KD đáp ứng rất thấp đối với các quy định của pháp luật do tính chất gia đình, nhỏ lẻ, và việc thực thi luật “nhẹ nhàng” đối với nhóm này của các cơ quan chức năng Đồng Nai. Kết quả khảo sát cho thấy cần hỗ trợ tất cả các nhóm Hộ KD ngành gỗ. Các hỗ trợ bao gồm việc cung cấp thông tin VPA/FLEGT, các quy định luật pháp, trình độ quản lý cơ sở kinh doanh. Về lâu dài cần hỗ trợ họ về liên kết sản xuất, tăng cường năng lực hợp tác sản xuất kinh doanh. Các thông tin truyền tải cho Hộ KD cần ngắn gọn súc tích, và cần tiếp cận hộ qua lực lượng có uy tín và chức năng ở địa phương là Chi cục kiểm lâm.

Tuy nhiên cần nhìn nhận thực tế là trong bối cảnh hiện nay các hộ KD khó có thể đáp ứng các yêu cầu pháp luật. Khi VPA/FLEGT thực thi, hình thái sản xuất kinh doanh hiện nay của một số hộ không còn phù hợp, một số hộ sẽ không thích nghi được và ra khỏi ngành. Nhiều hộ muốn tồn tại trong bối cảnh VPA thực thi cần liên kết để tăng cường năng lực và đáp ứng các điều kiện. Một số ít hộ hiện nay có nền tảng khá vững chắc có thể phát triển thành doanh nghiệp. Chính quyền trung ương và cấp tỉnh cần có các chính sách, quy định đối với nhóm hộ KD ngành gỗ để có giải pháp để hỗ trợ, có lộ trình để giảm thiểu các tác động không mong muốn cũng như tăng hiệu quả thực thi VPA.